TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 744/2026/HC-PT
Ngày 24 tháng 6 năm 2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 457/2026/TLPT-HC ngày 15/4/2026 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1450/2026/QĐPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Đặng Tấn H1, sinh năm 1928. Địa chỉ: Số B, Đường B, Khu phố I, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số B, Đường B, Khu phố I, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Ngô Huy N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tòa nhà M, Masteri Wasterfron - V, Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Tòa nhà M, M – Vinhomes Ocean P, Đ, xã G, thành phố Hà Nội).

- *Người bị kiện*:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Địa chỉ: Số B, đường N, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thành phố Đ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ú; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch UBND thành phố Đ: Ông Nguyễn Hồng Q - Phó Trưởng phòng đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Phú X, sinh năm 1930. Địa chỉ: Số E, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số E, đường Đ, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ liên hệ: Số B, Đường B, Khu phố I, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Hồ Quang M, sinh năm 1948. Địa chỉ: Số D, đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số D, đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số C, đường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số C, đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ liên hệ: Chung cư M, Lô B B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1954. Địa chỉ: Chung cư M, Lô B, 2, B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chung cư M, Lô B, 280/29, Bùi Hữu N1, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông X, ông M, ông T, bà V (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2019 và ngày 02/11/2019): Ông Ngô Huy N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tòa nhà M, Masteri Wasterfron - V, Đ, xã G, thành phố Hà Nội.

5. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện L: Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 1491/UBND-NC ngày 20/6/2026): Bà Phạm Thị Thủy T1, Phó Chủ tịch.

6. Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của UBND xã B: Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Đ.

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Tấn H1 là người khởi kiện và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:** Ông Nguyễn Phú X, ông Hồ Quang M, ông Hoàng Ngọc T2 và bà Hoàng Thị V**.**

Các đương sự có mặt tại phiên tòa: Ông Đặng Tấn H1; ông Hồ Quang M; bà Hoàng Thị V; ông Ngô Huy N (là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Tấn H1, ông Nguyễn Phú X, ông Hồ Quang M, ông Hoàng Ngọc T và bà Hoàng Thị V); ông Nguyễn Hồng Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Vắng mặt: UBND thành phố Đ, UBND phường L, ông Nguyễn Phú X và ông Hoàng Ngọc T có yêu cầu xét xử vắng mặt; UBND phường P, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đặng Tấn H1 do ông Ngô Huy N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1972, do yêu cầu của cuộc Cách mạng chống Mỹ cứu Nước, Chi bộ Đảng xã B, huyện L có chủ trương tìm nơi tập kết, ém quân phục vụ cho chiến dịch giải phóng S nên đã giao nhiệm vụ cho bà Đặng Thị H2 và ông Đặng Tấn H1 thực hiện chủ trương này bằng cách mua lại Đồn điền cao su Dân Nam của gia đình ông bà Tôn Ngọc C, Tiêu Thị M1 thông qua hình thức giao dịch là Hợp đồng thuê Đồn điền cao su.

Việc xác định nguồn gốc Đồn điền cao su D thuộc quyền sở của bà Đặng Thị H2 và ông Đặng Tấn H1 thể hiện tại các chứng cứ gốc sau đây:

- Hợp đồng thuê mượn Đồn điền cao su và toàn thể diện tích đất tọa lạc tại xã L và A, tổ N, quận L, tỉnh Biên Hòa được lập và xác nhận của Chính quyền Sài Gòn ngày 15/12/1973;

- Hợp đồng thuê mướn một phần Đồn điền cao su, tọa lạc tại xã L, tổ N, quận L, tỉnh Biên Hòa được lập và xác nhận của Chính quyền Sài Gòn ngày 25/5/1974;

- Giấy ủy quyền định đoạt của ông Tôn Ngọc C cho bà Đặng Thị H2 được lập ngày 21/5/1990 có xác nhận Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tờ chúc thư của bà Đặng Thị H2 được lập ngày 06/9/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh có xác nhận của U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị H2 đã chết theo Giấy chứng tử số 01 do U, quận B cấp ngày 02/10/1996 (ông Đặng Tấn H1 là cháu ruột của bà Đặng Thị H2. Khi còn sống, bà Đặng Thị H2 không có chồng con, bà ở cùng với gia đình ông Đặng Tấn H1 cho đến khi qua đời).

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, các cơ quan chức năng đã xác định ông Đặng Tấn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, việc xác định này là chưa chính xác vì: ông Đặng Tấn H1 đã được xác định là người đồng sở hữu Đồn điền cao su Dân Nam cùng bà Đặng Thị H2 và được thừa kế theo di chúc do bà Đặng Thị H2 lập, có xác nhận của U, quận B ngày 06/9/1996. Do vậy, địa vị pháp lý của ông Đặng Tấn H1 đối với Đồn điền cao su D là chủ sở hữu duy nhất kể từ thời điểm mở thừa kế ngày 24/9/1996 chứ không phải là người có liên quan. Sau ngày giải phòng S, theo chủ trương của chính quyền Cách mạng về tăng gia sản xuất, tự lực tự cường để cải thiện đời sống của nhân dân sau chiến tranh; bà Đặng Thị H2 và ông Đặng Tấn H1 đã huy động nhiều nguồn nhân lực, vật lực khác nhau để cải tạo phát triển đồn điền. Trong quá trình cải tạo và phát triển đồn điền đến thời điểm bị tịch thu theo Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975, tổng giá trị đầu tư cho hoạt động sản xuất phát triển Đồn điền cao su, bao gồm cả nhân lực và vật lực, gồm:

+ Về nhân lực: Tại thời kỳ này, số lượng nhân công huy động lên tới gần 300 hộ gia đình từ nhiều vùng khác nhau gồm có Sài gòn, B, Bình Thuận...họ là những người lao động đóng góp công sức phát triển đồn điền giai đoạn sau giải phóng đến tháng 11/1975. Tổng ngày công lao động do họ đóng góp là 63.000 ngày công.

+ Về vật lực: Đối với những người có liên quan, gồm các ông, bà Nguyễn Phú X, Hoàng Ngọc T, Hồ Quang M, Hoàng Thị V là những người trực tiếp đóng góp tiền vàng phục vụ việc phát triển đồn điền sau giải phóng. Tổng số tiền vàng đóng góp trực tiếp cho ông Đặng Tấn H1. Ông H1 đã sử dụng tiền vàng này để phục vụ cho việc xây dựng và phát triển đồn điền từ sau giải phóng đến khi bị thu tháng 11/1975 (Hiện có Biên bản xác nhận vốn đầu tư ngày 15/12/2018).

- Kết quả phát triển Đồn điền: Trồng mới cao su: 91ha; Chăm sóc, cải tạo cao su già cỗi 212ha; Cải tạo đất hoang hóa, rừng chồi không có giá trị kinh tế 98ha; San lấp hố bom, đạn và hệ thống công sự trong chiến tranh 98ha. Tổng giá trị quy đổi thành tiền 148.623.000 đồng tương đương 2.470 lượng vàng.

- Khi thực hiện Quyết định tịch thu đồn điền, ông H1 và những người liên quan là ông/bà: Đặng Thị H2, Đặng Tấn H1, Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị V đã bàn giao toàn bộ đồn điền và tài sản cho đại diện chính quyền Cách mạng xã B là ông Đinh Quốc T3 và ông Nguyễn Minh N2 (không có biên bản bàn giao).

Ông Đặng Tấn H1 khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Quyết định tịch thu số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND cách mạng tỉnh B;

+ Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ;

+ Buộc UBND tỉnh Đ bồi thường thiệt hại với số tiền 1.043.698.500.000 đồng. Tại phiên toà, ông Ngô Huy N đề nghị rút yêu cầu buộc UBND tỉnh Đ bồi thường thiệt hại do phát sinh trực tiếp từ Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B và việc bàn giao tài sản theo quyết định trên với số tiền yêu cầu bồi thường là 1.043.698.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Huy N lại khởi kiện yêu cầu đòi UBND tỉnh Đ bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Tấn H1 với giá trị quyền sử dụng đất diện tích 432ha khi thu hồi đất vào năm 1975 là 2.076.240.000.000 đồng.

Người bị kiện là UBND tỉnh Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày ý kiến:

Đồn điền cao su D có diện tích 432,94 mẫu do bà Tiêu Thị M1 đứng tên sở hữu. Năm 1972, bà Tiêu Thị M1 bị tử nạn. Sau đó, chồng bà Tiêu Thị M1 là ông Tôn Ngọc C đứng ra lập Tờ ủy quyền cho bà Đặng Thị H2 sử dụng, được chính quyền chế độ cũ thị chứng ngày 19/7/1974, trong đó ủy quyền cho bà Đặng Thị H2 được toàn quyền khai thác diện tích 432,94ha đất như: Cạo mủ cao su, đốn dọn các loại cây, kể cả cây cao su già cỗi; trồng các loại cây kỹ thuật như cao su, mía, thầu dầu....; Tờ trình ủy quyền cũng nêu rõ "*trường hợp bà Đặng Thị H2 vì lý do sức khỏe không coi sóc được, bà có quyền ủy nhiệm cho một đệ tam nhân khác, tuy nhiên tờ ủy quyền phải có sự kiến nghị của chính tôi Tôn Ngọc C*"; tờ ủy quyền cũng xác định rõ "*có hiệu lực kể từ nay cho đến ngày ký khế ước mua bán theo luật định*".

Ngày 03/11/1975, xét đề nghị của UBND Cách mạng xã B về phần đất của ông Tôn Ngọc C, bà Tiêu Thị M1 và bà Đặng Thị H2, căn cứ đề nghị của Ban Điều tra đất đai của tỉnh và sự hướng dẫn của Sở N3: UBND Cách mạng tỉnh B đã ban hành Quyết định số 34/QĐ/UBT tịch thu toàn bộ đất đai Sở D giao cho UBND Cách mạng huyện L và UBND Cách mạng xã B tổ chức quản lý.

Trên thực tế, toàn bộ đất đai, nhà xưởng của đồn điền cao su D (cũ) đã được nhà nước quản lý, sử dụng từ sau ngày giải phóng miền N.

Sau ngày giải phóng miền N, bà Đặng Thị H2 cùng ông Đặng Tấn H1 tổ chức xây dựng mô hình khu kinh tế tự túc trên đồn điền cao su Dân Nam, có thể hiện qua hồ sơ do ông Đặng Tấn H1 cung cấp.

Năm 1996, bà Đặng Thị H2 chết, ông H1 khiếu nại đề nghị cơ quan Nhà nước xem xét, giải quyết trả lại đất đồn điền cao su Dân Nam toạ lạc tại xã B, huyện L.

Sau khi làm việc với Sở T4 và nghe giải thích, ông H1 đã thống nhất không khiếu nại đòi lại đất Đồn điền cao su Dân Nam và các tài sản liên quan đến Đồn điền, ông H1 đề nghị nhà nước xem xét công lao đóng góp cho cách mạng, sự đầu tư công sức, tiền bạc của ông H1 tại Đồn điền cao su D để giải quyết một phần diện

tích đất cho ông H1 sản xuất và ổn định cuộc sống. Qua xem xét nội dung đề nghị của ông H1, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện L giao 03 ha đất nông nghiệp tại xã A, huyện L cho ông H1 (theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/8/2009 của UBND huyện L); tuy nhiên, sau khi được giao 03 ha đất nông nghiệp ông H1 không sử dụng mà chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên cho người khác với số tiền 13,5 tỷ đồng vào năm 2010.

Sau khi chuyển nhượng hết 03 ha đất nông nghiệp được UBND tỉnh Đ giao nêu trên, ông H1 tiếp tục có đơn gửi các cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và tỉnh Đồng Nai khiếu nại đòi lại đất Đồn điền cao su D. Việc khiếu nại của ông H1 đã được Thanh tra Chính phủ kiểm tra, rà soát lại việc giải quyết của UBND tỉnh Đ và có Báo cáo kết luận số 3340/BC-TTC ngày 21/12/2016 gửi Thủ tướng Chính phủ; ngày 12/10/2017, Văn phòng C1 có Văn bản số 479/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B về việc khiếu nại của ông H1, với nội dung: "*Về việc trả lại đất: Ông Đặng Tấn H1 và bà Đặng Thị H2 mua Đồn điền cao su Dân Nam là có thật, được thể hiện qua các chứng từ giao nhận tiền. Tuy nhiên, UBND Cách mạng tỉnh B đã ban hành quyết định thu hồi đồn điền cao su D. Theo quy định của Luật Đất đai, Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Về chính sách hỗ trợ, bảo đảm quyền lợi: UBND tỉnh Đ đã tiếp xúc, đối thoại và giao 03ha đất nông nghiệp cho ông H1. Như vậy, ông H1 đã được bảo đảm quyền lợi của gia đình và ông H1. UBND tỉnh Đ giải thích, hướng dẫn để ông H1 chấm dứt việc khiếu nại và đòi quyền lợi. Giao UBND tỉnh Đ xác định các hàng thừa kế của bà Đặng Thị H2 và trao đổi, làm việc với các cơ quan liên quan để thống nhất việc giao đất cho đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị H2 theo quy định pháp luật dân sự và đất đai*".

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 đã tổ chức làm việc với ông H1 vào ngày 13/12/2017, giải thích và đề nghị ông H1 chấm dứt việc khiếu nại và đòi quyền lợi liên quan đến đất Đồn điền cao su D. Sau khi nghe giải thích, ông H1 thống nhất không khiếu nại đòi lại đất Đồn điền cao su D; tuy nhiên, ông H1 cho rằng ông là người đã vay mượn, góp tiền cùng với cô ruột là bà Đặng Thị H2 mua Đồn điền cao su Dân Nam, nên ông đề nghị Nhà nước xem xét hỗ trợ thêm (ngoài việc hỗ trợ 03 ha đất nông nghiệp đã được giao) để ông có tiền trả nợ và có chỗ ở, vì hoàn cảnh của ông hiện đang gặp khó khăn, đang phải ở nhờ. Cũng tại buổi làm việc ngày 13/12/2017 với Sở T4, ông H1 trình bày hàng thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị H2 hiện chỉ còn hàng thừa kế thứ ba gồm có ông H1 (gia đình ông H1 hiện nay có 03 người gồm: ông H1, vợ ông H1 và một người con gái) và các con của 02 người anh, chị em với bà H2 sinh sống ở

Pháp (ông H1 không biết những người này còn sống hay đã chết, do những người này sống ở nước ngoài, không liên lạc về Việt Nam).

Sau khi xem xét đề nghị và hoàn cảnh của ông H1, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao UBND huyện L rà soát lại quỹ đất công chưa sử dụng tại xã B và các xã lân cận, lập danh sách báo cáo UBND tỉnh xem xét xử lý dứt điểm vụ việc theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ. Qua rà soát quỹ đất công chưa sử dụng tại địa phương, UBND huyện L có Văn bản số 189/BC-UBND ngày 02/4/2018 báo cáo hiện nay trên địa bàn huyện L không còn quỹ đất nông nghiệp chưa sử dụng, chỉ còn một số diện tích đất phục vụ cho tái định cư tại các dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

Vào ngày 27/4/2018, UBND tỉnh Đ đã có buổi làm việc, trao đổi với đại diện các cơ quan Trung ương (Văn phòng C1, Bộ T5, Thanh tra Chính phủ) cùng các sở, ngành và địa phương có liên quan để thống nhất về việc giao đất cho đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị H2. Tại buổi làm việc, các cơ quan tham dự họp cho rằng việc giao đất nông nghiệp cho ông H1 là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật về đất đai, bởi lẽ ông H1 đã lớn tuổi không còn khả năng lao động, ông H1 không phải người địa phương, đồng thời trước đây ông H1 đã được UBND tỉnh Đ giao 03 ha đất nông nghiệp tại xã A, huyện L; sau khi nhận được 03 ha đất nông nghiệp, ông H1 đã chuyển nhượng cho người khác với số tiền 13,5 tỷ đồng tại thời điểm năm 2010. Từ đó, UBND tỉnh Đ và các cơ quan Trung ương đã thống nhất giải quyết giao cho gia đình ông H1 03 lô đất tái định cư liền kề để ổn định cuộc sống.

Ngày 25/5/2018, UBND huyện L đã có buổi làm việc với ông H1 để thống nhất đất được giao 03 lô đất tái định cư liền kề chưa bố trí cho các đối tượng thuộc diện tái định cư trên địa bàn (cụ thể: Lô D6 diện tích 282,7m^2, Lô D diện tích 281,9m^2, Lô D diện tích 283,4m^2 tại khu tái định cư xã A, huyện L). Tuy nhiên sau buổi làm việc, ông H1 không đồng ý nhận 03 lô đất tái định cư trên và tiếp tục có nhiều đơn gửi UBND tỉnh, UBND huyện L khiếu nại đề nghị xem xét trả lại đất Đồn điền cao su Dân Nam. Để giải quyết dứt điểm vụ việc và chấm dứt việc xem xét khiếu nại của ông H1 theo ý kiến chỉ đạo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B, UBND tỉnh Đ đã tiếp tục có Văn bản số 6836/BC-UBND ngày 02/7/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết vụ việc khiếu nại của ông H1. Ngày 16/7/2018, Văn phòng C1 có Văn bản số 6717/VPCP-V.I thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B về việc giải quyết khiếu nại của ông H1, với nội dung: "*Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị xử lý của UBND tỉnh Đ tại Văn bản số 6836/BC-UBND ngày 02/7/2018. UBND tỉnh Đ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đối thoại, vận động ông H1 chấp hành việc giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp ông H3 không đồng ý nhận đất tái định cư, Chủ tịch UBND tỉnh Đ*

theo thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật và thông báo chấm dứt việc xem xét, giải quyết nội dung khiếu nại này".

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B về việc đối thoại, vận động ông H1 chấp hành việc giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, giải thích, hướng dẫn để ông H1 chấm dứt việc khiếu nại và đòi quyền lợi; ngày 14/8/2018, Lãnh đạo UBND tỉnh Đ đã chủ trì phối hợp cùng với Lãnh đạo các cơ quan Trung ương (Văn phòng C1, Thanh tra Chính phủ, Bộ T5) và Lãnh đạo các sở, ban, ngành chức năng của tỉnh Đồng Nai, UBND huyện L tiến hành vận động, giải thích, đối thoại với ông H1, kết quả thể hiện: Ông H1 đề nghị được giao 03 ha đất nông nghiệp để gia đình ông sản xuất, ổn định cuộc sống.

Qua ý kiến của ông H1 và ý kiến của các cơ quan liên quan tham dự buổi đối thoại, Phó Chủ tịch UBND tỉnh V - Chủ trì buổi đối thoại có ý kiến như sau: Nội dung đề nghị của ông H1 về việc giao 03 ha đất nông nghiệp là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì không đúng quy định của pháp luật về đất đai (ông H1 đã lớn tuổi, không còn khả năng lao động; trên địa bàn huyện L không còn quỹ đất nông nghiệp để giao...). Mặt khác, UBND huyện L đã giao cho ông H1 03ha đất nông nghiệp vào năm 2009, ngay sau khi được giao đất, ông H1 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho người khác với số tiền 13,5 tỷ đồng. Việc UBND tỉnh giao 03 lô đất tái định cư cho ông H1 đã thể hiện sự quan tâm lớn đối với gia đình ông H1. UBND tỉnh đề nghị ông H1 nhận 03 lô đất tái định cư liền kề như đề xuất của UBND huyện L để ổn định cuộc sống. Trên cơ sở kết quả buổi đối thoại, ông H1 đã có đơn đề ngày 16/8/2018 gửi UBND tỉnh đồng ý xin nhận 03 lô đất tái định cư, cụ thể: Lô D6 diện tích 282,7m^2, lô D7 diện tích 281,9m^2 và lô D15 diện tích 283,4m^2 tại khu tái định cư A (X) tại xã A, huyện L.

Sau khi tiếp nhận đơn xin giao nhận 03 lô đất tái định cư của ông H1, UBND tỉnh có Văn bản số 9330/UBND-TCD ngày 04/9/2018 chỉ đạo, giao UBND huyện L tiến hành tổ chức thực hiện việc giao 03 lô đất tái định cư liền kề (hỗ trợ không thu tiền sử dụng đất) và thông báo đến ông H1 biết liên hệ cơ quan chức năng để được hướng dẫn lập thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngày 06/11/2018, UBND huyện L đã có Giấy mời số 670/GM- UBND và Giấy mời số 684/GM-UBND ngày 13/11/2018 mời ông H1 đến làm việc để đề nghị ông H1 thống nhất nhận 03 lô đất tái định cư và chấm dứt việc khiếu nại liên quan đến Đồn điền cao su D, tuy nhiên cả 02 lần mời ông H1 đều không đến làm việc. Do đó, UBND huyện L chưa có cơ sở bàn giao 03 lô đất tái định cư nêu trên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 (theo báo cáo của UBND huyện L tại Văn bản số 754/BC- UBND ngày 16/11/2018). Đến nay, ông H1 vẫn không đồng ý nhận 03 lô đất tái định cư trên và tiếp tục có nhiều đơn khiếu nại đề nghị xem xét giải quyết trả lại đất Đồn điền cao su Dân Nam.

Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ký Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Tấn H1 (lần đầu), cụ thể:

- Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đặng Tấn H1 đề nghị xem xét giải quyết trả lại đất Đồn Điền cao su Dân Nam.

Giữ nguyên Quyết định số 34/QĐ/UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B về việc tịch thu toàn bộ đất đai Sở D.

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và N4*", việc ông H1 khiếu nại đề nghị xem xét giải quyết trả lại đất Đồn điền cao su D là không có cơ sở để giải quyết.

Về việc hỗ trợ để ông H1 ổn định cuộc sống: Nhằm tạo điều kiện cho gia đình ông H1 có diện tích để sản xuất, ổn định cuộc sống; ngày 17/8/2009, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 2388/QĐ-UBND giao 03 ha đất nông nghiệp cho ông H1 (sau đó ông H1 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên cho người khác với số tiền 13,5 tỷ đồng). UBND tỉnh Đ cũng đã đồng ý và chỉ đạo UBND huyện L tiếp tục giao 03 lô đất tái định cư tại khu tái định cư A, huyện L, UBND huyện L và đã mời ông H1 đến nhận nhưng ông H1 không nhận. Do vậy, việc khiếu nại đòi lại đất của ông H1 là không có cơ sở để được giải quyết.

Việc khiếu nại của ông H1 cũng đã được Thanh tra Chính phủ có kết quả kiểm tra, rà soát, có Báo cáo kết luận số 3340/BC-TTCP ngày 21/12/2016 gửi Thủ tướng Chính phủ và cũng đã có ý kiến thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B về việc khiếu nại.

Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông H1 là phù hợp quy định của Luật Đất đai; việc UBND tỉnh Đ giải quyết hỗ trợ cho ông H1 là phù hợp với thực tế, đúng theo phương hướng chỉ đạo giải quyết vụ việc đã được Thủ tướng Chính phủ kết luận.

Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H1 và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ- UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Phú X, bà Hoàng Thị V, ông Hồ Quang M, ông Hoàng Ngọc T do ông Ngô Huy N là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Các ông, bà không có quan hệ huyết thống với ông H1, chỉ có quan hệ trong trong công việc, thông qua việc đầu tư và tham gia quản lý điều hành hoạt động của Đồn điền cao su Dân Nam từ năm 1974 đến tháng 11 năm 1975.

Quyết định tịch thu số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B (nay là UBND tỉnh Đ) đã xâm phạm và gây thiệt hại nghiêm trọng đối với tài sản, công sức của các ông, bà đã có tại Đồn điền cao su D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tấn H1, các ông, bà thống nhất và đề nghị Toà án giải quyết:

+ Hủy Quyết định tịch thu số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh B;

+ Hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/1/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ;

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tấn H1 về việc yêu cầu hủy các quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND cách mạng tỉnh B.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đ với số tiền 1.043.698.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025, ông Đặng Tấn H1 kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm.

Cùng ngày 09/9/2025, bốn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phú X, ông Hồ Quang M, ông Hoàng Ngọc T và bà Hoàng Thị V kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Tấn H1 (có mặt tại phiên tòa, nhưng vì lý do sức khỏe nên đề nghị vắng mặt ra về) và người đại diện theo ủy quyền của ông H1 và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày cụ thể nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại với các lý do:

Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện đầy đủ các biện pháp theo quy định để thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, bao gồm: Xác minh, thu thập chứng cứ; Đánh giá chứng cứ; Sử dụng chứng cứ; Đối chất để làm rõ đối với các chứng cứ, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án còn mẫu thuẫn...; Triệu tập nhân chứng.

Về nội dung và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 194 Luật Tố tụng hành chính về bản án sơ thẩm trong phần nội dung và nhận định, cụ thể: Tòa án không ghi nhận nội dung chính của yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định hành chính trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về giá trị quyền sử đất và các tài sản bị tịch thu trái pháp luật khác; không căn cứ vào kết quả tranh tụng, các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật để kết luận làm căn cứ cho quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 194 Luật Tố tụng hành chính về Bản án sơ thẩm tại phần quyết định, Tòa án đã ghi nhận không đúng (hoặc nhầm lẫn) về căn cứ pháp luật áp dụng, nhưng lại không ghi nhận từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. Không thực hiện việc đánh giá chứng cứ và lập luận từng lập luận có chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trong quy định của Điều 95 Luật Tố tụng hành chính 2015 về đánh giá chứng cứ; không xem xét và đánh giá chứng cứ đối với yêu cầu hủy Quyết định 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 do ban hành trái pháp luật thể hiện tại các chứng cứ: Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975; Hồ sơ xác nhận nguồn gốc quyền sở hữu D; Báo cáo kết luận thanh tra số 3340/BC/TTCP ngày 2016; Biên bản xác minh ngày 30/5/2008 của Sở TN&MT tỉnh T4. Không xem xét, và đánh giá chứng cứ đối với yêu cầu hủy Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/012/2019 do ban hành trái pháp luật. Không xem xét, và đánh giá chứng cứ có liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản bị thiệt hại phát sinh từ quyết định tịch thu trái pháp luật. Không xem xét và đánh giá toàn diện đầy đủ và chính xác các chứng cứ liên quan đến lập luận làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, gồm: Quyền sở hữu đầy đủ Đồn điền cao su D của ông Đặng Tấn H1; Các căn cứ xác định 96% diện tích Đồn điền cao su D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các chứng cứ liên quan đến việc phát sinh thiệt hại từ Quyết định tịch thu trái pháp luật số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975; Các thiệt hại phát sinh theo tài liệu chứng cứ đã giải trình của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ mâu thuẫn, không đối chất, trái pháp luật để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trong quy định của Điều 96 Luật Tố tụng hành chính 2015 về Công bố và sử dụng chứng cứ. Theo quy định này, Tòa án không công bố và sử dụng chứng cứ theo quy định mọi chứng cứ được công bố và sử dụng công khai như nhau. Trên thực tế, Tòa án chỉ viện dẫn và sử dụng các chứng cứ không có căn cứ xác thực, không khách quan, chỉ phục vụ lợi ích cho bên bị đơn; sử dụng chứng cứ có nhiều mâu thuẫn để làm căn cứ áp dụng quy định pháp luật không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không được đối chất để làm rõ, thể hiện: Việc Tòa án nhận định 96% diện tích đất

Đồn điền cao su D đã được cấp GCNQSDĐ theo báo cáo của Phòng TN&MT huyện L để làm căn cứ áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 về việc Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng. Nhưng chứng cứ được sử dụng lại không có căn cứ chứng minh xác thực. Nội dung này còn mâu thuẫn với chính chứng cứ khác do chính bên bị đơn là UBND tỉnh Đ cung cấp cho Tòa án thể hiện tại Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 24/7/2008 về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án khu dân cư xã B. Tại Quyết định này, đất đai thuộc Đồn điền cao su D được xác định là đất công. Trong trường hợp này thì đất công không được cấp GCNQSDĐ.

Tóm lại: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành bản án số 63/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 là có dấu hiệu cố ý ban hành bản án trái pháp luật; Viện dẫn pháp luật không liên quan đến yêu cầu khởi kiện để làm căn cứ bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Vi phạm nghiên trọng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cả về tố tụng và nội dung.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tấn H1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H1 và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phú X, ông Hồ Quang M, ông Hoàng Ngọc T2 và bà Hoàng Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Tấn H1 và các ông, bà Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T và Hoàng Thị V làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người bị kiện không có kháng cáo đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ, ông X và ông T2 kháng cáo nhưng vắng mặt; tất cả đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đồn điền cao su D có diện tích 432,94 ha của bà Tiêu Thị M1 là thương gia chế độ cũ đứng tên sở hữu. Năm 1972 bà M1 bị tử nạn, sau đó chồng bà M1 là ông Tôn Ngọc C đứng ra lập Tờ ủy quyền cho bà Đặng Thị H2 sử dụng (được chính quyền chế độ cũ chứng thực ngày 19/7/1974). Năm 1974, bà Đặng Thị H2 và ông Đặng Tấn H1 vay mượn số tiền 10.000.000 đồng để mua Đồn điền cao su Dân Nam là thực hiện theo sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã B, huyện L với mục đích làm nơi ém quân, cất giấu vũ khí đạn dược, đưa rước cán bộ, lập trạm giao liên để tiếp tế lương thực, thuốc men, nắm tin tức phục vụ cách mạng. Sau ngày giải phóng miền N 30/4/1975, dưới sự kêu gọi của Đảng và chính quyền xã B nhằm tái thiết ổn định cuộc sống cho nhân dân trong vùng, bà H2 và ông H1 đứng ra xây dựng mô hình kinh tế tự túc trên Đồn điền cao su Dân Nam với 49 gia đình cán bộ và gần 300 gia đình tham gia sản xuất. Bà H2 và ông H1 đầu tư công sức, tiền bạc, vật tư thuê nhân công tu bổ đồn điền (lấp hố bom, giao thông hào, san ủi mặt bằng…) (Ông H1 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà H2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng ba).

[2.2] Ngày 25/9/1975, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 188-CP về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền N. Ngày 03/11/1975, xét đề nghị của UBND Cách mạng xã B về phần đất của ông Tôn Ngọc C, bà Tiêu Thị M1 và bà Đặng Thị H2 chiếm hữu, căn cứ đề nghị của Ban Điều tra đất đai của tỉnh và chấp hành sự hướng dẫn của Sở N3; UBND Cách mạng tỉnh B ban hành Quyết định số 34/QĐ/UBT tịch thu toàn bộ đất đai Đồn điền cao su D giao cho UBND Cách mạng huyện L và UBND Cách mạng xã B tổ chức, quản lý.

[2.4] Sau đó ông H1 liên tục có đơn khiếu nại. Ngày 13/5/2008, Thanh tra Sở T4 phối hợp với UBND xã B kiểm tra hiện trạng đất khiếu nại của ông H1, xác định: Đồn điền cao su D (trước đây) nay gồm nhiều thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 6, 7 và 8 (theo tài liệu 201/ĐKTK xã B) hiện do Công ty C2 và khoảng 120 hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định. Theo Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, có 96% diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tổng số đất mà các hộ dân đang sử dụng là 46 ha). Diện tích còn lại 386,94 ha do Công ty C2 quản lý. Đối với phần đất do Công ty C2 quản lý, sử dụng trồng cao su: Ngày 22/3/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 707/QĐ-UBND về việc giới thiệu địa điểm (diện tích 2.476.604 m^2) cho UBND huyện L Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, tái định cư tại xã B và Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 22/03/2007 về việc giới thiệu địa điểm (diện tích 2.603.914 m^2) cho UBND huyện L Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, tái định cư tại xã L và xã B. Ngày 24/7/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2291/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án khu dân

cư tái định cư xã B. Nếu trừ phần quy hoạch để xây dựng khu dân cư B, diện tích còn lại do Công ty C2 quản lý là 139,28 ha.

[2.5] Ngày 30/5/2008, cuộc họp tại Sở T4 cùng các ban ngành, ông H1 cung cấp giấy tờ tài liệu thể hiện tại thời điểm thu hồi ngoài diện tích cây cao su già cỗi còn có 91 ha cao su non, riêng các tài sản khác như máy móc, nhà xưởng, tư liệu sản xuất...mà Nhà nước thu hồi thì ông H1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh.

[2.6] Ngày 21/12/2016, Thanh tra Chính phủ Báo cáo kết luận kiểm tra rà soát việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Tấn H1, thanh tra Chính phủ nhận xét: "*Trên thực tế, toàn bộ đất đai, nhà xưởng của Đồn điền cao su D (cũ) đã bị Nhà nước quản lý, sử dụng từ ngay sau ngày Giải phóng miền N 30/4/1975 nên căn cứ theo các quy định hiện hành không có căn để trả lại Đồn điền cao su D (cũ) theo đơn yêu cầu của gia đình ông Đặng Tấn H1*". Tuy nhiên cần xem xét đến những thiệt thòi của gia đình ông. Sau nhiều năm khiếu nại, UBND tỉnh Đ đã cấp cho ông H1 03 ha đất sản xuất, phần nào đã làm giảm bớt khó khăn của gia đình ông. Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Đ giải quyết vụ việc này theo hướng: "*Ngoài 03 ha đất đã giải quyết cho gia đình ông H1 vào năm 2009, UBND tỉnh Đ theo điều kiện của địa phương xem xét hỗ trợ thêm, nhằm giảm bớt khó khăn cho gia đình ông H1 và chấm dứt việc khiếu kiện lâu dài*".

[2.7] Ngày 12/10/2017, Văn phòng C1 ban hành Văn bản số 479/TB-VPCP thông báo kết luận về việc khiếu nại của ông H1 có nội dung: "*1. Về việc trả lại đất: ông Đặng Tấn H1 và bà Đặng Thị H2 mua Đồn điền cao su Dân Nam là có thật, được thể hiện qua các chứng từ giao nhận tiền. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh B ban hành quyết định thu hồi Đồn điền cao su D. Theo quy định của Luật Đất đai, nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. 2. Về chính sách hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi: a) Đối với ông Đặng Văn H4: Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã tiếp xúc, đối thoại và giao 03ha đất nông nghiệp cho ông H4 nên ông H4 đã được đảm bảo quyền lợi của gia đình và ông H4. UBND tỉnh Đ giải thích, hướng dẫn để ông H4 chấm dứt việc khiếu nại và đòi quyền lợi*".

[2.8] Để giải quyết dứt điểm vụ việc xem xét khiếu nại của ông H4, UBND tỉnh Đ đã tiếp tục có Văn bản số 6836/BC-UBND ngày 02/7/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết khiếu nại của ông H4, theo đó UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương đã thống nhất chính sách an sinh xã hội đối với gia đình ông H4, giao cho gia đình ông H4 03 lô đất tái định cư liền kề để ông H4 ổn định cuộc sống. Ngày 16/7/2018, Văn phòng C1 có Văn bản số 6717/VPCP-V.I thông báo kết luận về việc khiếu nại của ông H4, với nội dung: "*Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị xử lý của UBND tỉnh Đ tại Văn bản số 6836/BC-UBND ngày 02/7/2018. UBND tỉnh Đ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đối*

thoại, vận động ông H4 chấp hành việc giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp ông Đặng Tấn H1 không đồng ý nhận đất tái định cư, Chủ tịch UBND tỉnh Đ theo thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật và thông báo chấm dứt việc xem xét, giải quyết nội dung khiếu nại này".

[2.9] Do ông H1 vẫn không đồng ý nhận 03 lô đất tái định cư nêu trên và tiếp tục có đơn khiếu nại đề nghị xem xét trả lại Đồn điền cao su Dân Nam. Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H1, theo đó bác đơn khiếu nại của ông H1, giữ nguyên Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B.

[2.10] Tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai*". Đất và cây trồng trên đất (cao su) đã được tiếp quản, trưng thu đưa vào sở hữu toàn dân từ sau năm 1975 theo chính sách của Nhà nước, đã giao cho người khác sử dụng hợp pháp. Việc ông H1 khiếu nại đề nghị xem xét giải quyết trả lại Đồn điền cao su D là không có cơ sở giải quyết.

Việc UBND tỉnh giao 03 lô đất tái định cư cho ông H1, cụ thể Lô D6 diện tích 282,7 m^2, lô D7 diện tích 281,9 m^2, lô D15 diện tích 283,4 m^2 tại khu tái định cư A (X) tại xã A, huyện L, thể hiện sự quan tâm đối với gia đình ông nhưng ông H1 từ chối không nhận.

[2.11] Từ những phân tích trên xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính và căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1 về việc: Hủy quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND cách mạng tỉnh B là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Đặng Tấn H1, Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T và Hoàng Thị V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Về án phí: Do các ông, bà Đặng Tấn H1, Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T và Hoàng Thị V là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm hành chính.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các ông, bà: Đặng Tấn H1, Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T và Hoàng Thị V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 26 Luật Đất Đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tấn H1 về việc yêu cầu hủy các quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ và Quyết định số 34/QĐ-UBT ngày 03/11/1975 của UBND Cách mạng tỉnh B.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đ với số tiền 1.043.698.500.000 đồng.

3. Án phí: các ông, bà: Đặng Tấn H1, Nguyễn Phú X, Hồ Quang M, Hoàng Ngọc T và Hoàng Thị V là người cao tuổi nên miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TPHCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (10);
- Lưu VT (5), HS (2) 22B (DTBV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân